TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ ĐẶC ĐIỂM, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

TS. VŨ ANH TUẤN

I. TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ - NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN

Cùng với hàng loạt vấn đề mang tính toàn cầu như chiến tranh, hòa bình, bệnh tật, nghèo đói, tội phạm... và môi trường, thương mại toàn cầu hình thành và phát triển là một xu thế khách quan theo đà phát triển của lực lượng sản xuất, của sự hình thành và phát triển của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa kinh tế xuất hiện và phát triển theo quá trình từ thấp đến cao.

Thương nghiệp và thương mại quốc tế đã xuất hiện từ rất sớm so với chủ nghĩa tư bản, đó là mạng lưới thương nghiệp cổ đại từ Ai Cập sang Trung Hoa thông qua con đường tơ lụa trong lịch sử.

Việc buôn bán quốc tế ngày càng diễn ra mạnh mẽ và phát triển qua hàng ngàn năm của thời kỳ trung cổ để rồi chủ nghĩa trọng thương xuất hiện và chủ nghĩa tư bản ra đời từ đó.

Dựa trên ý tưởng tự do hóa kinh tế và các lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith và thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo của thời kỳ cổ điển, thương mại tự do thật sự mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia liên quan ở những mức độ khác nhau và do đó sự liên kết của các nền kinh tế lại với nhau là tất yếu dựa trên cơ sở phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất.

Vấn đề thương mại tiếp tục được phát triển, mở rộng với sự gia tăng không ngừng bởi cường độ giao dịch và dung lượng hàng hóa trên thị trường trong thời kỳ chiến tranh thế giới, và chỉ hai năm sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới II (1947) tổ chức GATT (Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại) ra đời.

Sau tám năm của vòng đàm phán Uruguay và ngày 1.1.1995 Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) xuất hiện. Sự ra đời của WTO là sự thể chế hóa các quan hệ thương mại quốc tế, và từ đó hệ thống thương mại đa phương - một trật tự kinh tế mới của thế giới hình thành.

Với xu thế tất yếu của sự phát triển, cùng với hiện thực sống động của nền kinh tế toàn cầu, không có quốc gia nào có thể tự mình và "đại dột" tự tách mình khỏi quá trình đó.

Việt Nam chúng ta là một nước có bề dày trong chiến tranh hơn là thương mại, mặc dù vậy chúng ta đã là quan sát viên của GATT từ năm 1994 và đã nộp đơn xin gia nhập WTO từ năm 1995 và nay đang trong quá trình đàm phán để tiến tới gia nhập vào tổ chức này.

Toàn cầu hóa kinh tế chính là sự đan xen hay dung hợp về thị trường và kinh tế giữa các nước thành một thể chế diễn ra trên phạm vi thế giới.

Toàn cầu hóa là kết quả của sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, của sự phát triển đầu tư trực tiếp nước ngoài, của môi trường thương mại quốc tế và bởi sự chi phối của các quy luật khách quan về phân công hợp tác lao động và sự phát triển không đều giữa các quốc gia.

Toàn cầu hóa ngày nay biểu hiện thông qua một số đặc điểm chủ yếu

Một là toàn cầu hóa trong sản xuất. Ngày nay đa số các sản phẩm hàng hóa dù giản đơn hay phức tạp đều không phải do một người sản xuất ra, mà thường do nhiều người, thậm chí nhiều xí nghiệp khác nhau cùng hợp tác tạo ra.. về mặt kỹ thuật chiếc xe hơi Toyota gồm khoảng 20.000 chi tiết cấu thành và do hơn 105 công ty khác nhau cùng tham gia sản xuất, hay một máy bay Boeing gồm hàng chục vạn chi tiết, do đó nó là sản phẩm của trên 600 công ty được đặt ở 29 quốc gia khác nhau cùng hợp tác sản xuất. Điều này do quy luật phân công hợp tác lao động ngày càng phát triển, nó không chỉ diễn ra trong phạm vi từng ngành, từng quốc gia mà đã mang tính quốc tế, tính toàn cầu.

Do lợi thế tự nhiên về khoáng sản và do trình độ kỹ thuật cũng như dân trí của mỗi nước khác nhau và do đó sự chuyên môn hóa sản xuất là tất yếu đã tạo tiền đề và cơ sở cho trao đổi thương mại và sự toàn cầu hóa về kinh tế. Giờ đây mỗi doanh nghiệp, mỗi quốc gia trở thành một mắt xích trong dây chuyền giá trị hàng hóa. Quá trình này phản ánh tính hai mặt của hội nhập: một mặt tạo lợi thế cho các nước phát huy đầy đủ ưu thế của sản xuất như tiết kiệm lao động, giảm chi phí đầu vào, phân bố và hình thành cơ cấu sản xuất tối ưu để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; mặt khác, tạo ra sự liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng chặt chẽ, nước nào có quy mô sở hữu vốn, kỹ thuật và trí tuệ ở trình độ cao sẽ có ưu thế, các nước nghèo, dân trí thấp, kỹ thuật lạc hậu, sở hữu vốn nhỏ bé sẽ phải tiếp tục đương đầu với những khó khăn và sự thách đố ngày càng lớn của cạnh tranh quốc tế.

Tuy nhiên toàn cầu hóa kinh tế quốc tế chỉ mới diễn ra mạnh mẽ từ những năm 1990 lại đây, nên dù sao vẫn chỉ ở giai đoạn bắt đầu của thế giới hiện đại, vì thế toàn cầu hóa sản xuất vẫn mang tính tự phát, phân tán, cùng với sự tích tụ và tập trung thương mại, tất yếu tích tụ và tập trung sản xuất cũng sẽ diễn ra trên phạm vi thế giới.

Hai là, sự hình thành thể chế thương mại toàn cầu. Sự ra đời của WTO đánh dấu một bước phát triển mới của mậu dịch thế giới. Đây là một thể chế mậu dịch nhiều bên lấy tự do hóa làm trung tâm. Tổ chức này có đặc điểm bao quát nhiều lĩnh vực và bị chi phối bởi một số trung tâm kinh tế lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản.

Mậu dịch thế giới ngày càng được mở rộng tới nhiều bên khác với tốc độ tăng trưởng bình quân thường cao hơn nhiều tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chỉ tính khoảng thời gian 50 năm lại đây, GDP tăng lên khoảng 4 lần thì tăng trưởng thương mại khoảng 16 lần. Thập niên 90 vừa qua mậu dịch quốc tế tăng bình quân 6% trong khi tổng sản phẩm quốc nội chỉ tăng khoảng 2%. Điều đáng chú ý là hàng hóa dịch vụ ngày càng được chú

ý nên tốc độ tăng trưởng hình thái mậu dịch này rất cao, chỉ trong vòng 10 năm từ 1985 đến 1995, sự gia tăng khoảng 300%, tức từ khoảng 380 tỷ USD lên đến gần 1.200 tỷ USD.

Sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin đã tạo tiền đề hiện thực cho một cuộc cách mạng mới trong quản lý, mà trước hết là một cuộc cách mạng về các quan niệm. Từ sự xuất hiện của internet dẫn đến sự ra đời của thương mại điện tử và do đó quy mô thương mại điện tử đang tăng lên chóng mặt, đã đạt tới hàng ngàn tỷ USD ở thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, nó chỉ mới được áp dụng rộng rãi ở Mỹ, EU và Nhật Bản. Chính vì vậy không tránh khỏi những nhận thức e ngại, cho rằng toàn cầu hóa chỉ mang lại cơ hội cho các nước lớn hay nói cách khác là Mỹ hóa. Điều cơ bản không phải chỉ dừng lại ở đó mà việc hình thành WTO trước hết là một chế ước có tính pháp lệnh nghiêm ngặt của thể chế mậu dịch nhiều bên, và ISO 9000 đã trở thành tiêu chuẩn chung của mậu dịch quốc tế.

Ba là, sự lan toả của đầu tư và sự dung hợp của tiền tệ. Đầu tư nước ngoài có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây. Trung bình giai đoạn 1985-1990 tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài hàng năm của thế giới khoảng 160 tỷ USD; giai đoạn 1990-1996 là 256 tỷ USD, riêng năm 1996 đạt tới 346 tỷ USD. Vấn đề này tuy đã có sự chú ý và chuyển sang các nước đang phát triển, nhưng chủ yếu vẫn là sự đầu tư giữa các "ông lớn" với nhau. Chỉ với các nước như Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Canada, Thụy Điển, Úc và Hà Lan đã chiếm khoảng 3/4 tổng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của thế giới. Điều đáng chú ý là dòng vốn ODA có xu hướng tăng nhanh hơn so với dòng vốn FDI. Mặc dù vậy, nếu so sánh giữa tốc độ tăng đầu tư trực tiếp với thương mại thì tốc độ tăng đầu tư còn cao hơn nhiều. Nếu xem xét giai đoạn 1991-1996 thì mậu dịch thế giới tăng khoảng 7% nhưng đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng tới gần 12%. Châu Á đang có sự gia tăng mạnh cả FDI và mậu dịch.

Cùng với sự phát triển của FDI, của mậu dịch quốc tế, quá trình quốc tế hóa tiền tệ cũng tăng nhanh, hàng loạt các vụ sáp nhập các ngân hàng lớn diễn ra, chỉ trong vòng chưa đầy một thập kỷ qua, ít nhất có tới 25 lần sáp nhập của cá ngân hàng lớn từ hạng 200 trở lên, do đó thị trường tiền tệ mở rộng nhanh chóng, mức giao dịch ngoại hối toàn cầu thậm chí cao gấp vài chục lần mức mậu dịch toàn cầu. Công nghệ thông tin phát triển đã góp phần hiện đại hóa sự giao dịch trên thị trường ngoại hối và dung lượng ngoại hối hiện nay đã đạt tới hàng ngàn tỷ USD mỗi ngày. Chính sự xuất hiện, phát triển nhanh chóng cả số lượng và quy mô của các công ty xuyên quốc gia đã thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kinh tế diễn ra nhanh hơn. Ngày nay, với khoảng gần 50.000 công ty xuyên quốc gia mà chủ yếu (80%) là của các nước phát triển đã can thiệp và khống chế phần lớn dòng FDI, kỹ thuật cao và mậu dịch. Đứng trước sức ép cạnh tranh và làn sóng tự do hóa giữa chúng đã có sự xích lại để hình thành nên các liên minh chiến lược kiểu mới nhằm bảo vệ và tăng cường năng lực cạnh tranh của mình.

II. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

Bắt đầu từ năm 1994 Việt Nam là quan sát viên của GATT, cũng năm đó chúng ta gửi đơn xin gia nhập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), và ngày 28.7.1995 chúng ta là thành viên chính thức của tổ chức này. Năm 1998 Việt Nam là thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và kể từ 1995 đến những năm tới chúng ta đang nỗ lực chuẩn bị, đàm phán để gia nhập WTO. Hành động đó là bằng chứng cho thấy chúng ta không chỉ nhận thức và quan sát mà là sự chủ động, một sự chuẩn bị tích cực cho hội nhập. Bởi thế giới đang vận động và xích lại gần nhau thật nhanh chóng, do đó, trong tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc bởi 120 nhà lãnh đạo các nước đã tuyên bố: "Chúng ta tự thấy rằng thách thức trọng tâm mà chúng ta đang vấp phải là đảm bảo toàn cầu hóa phải trở thành động lực tích cực cho tất cả nhân dân thế giới". Tuy nhiên, theo Joseph Stiglits - nhà kinh tế hàng đầu của WB "Toàn cầu hóa có thể xem như một cơn sóng lớn có khả năng lật các con thuyền quốc gia hoặc đẩy các quốc gia lên đầu ngọn sóng. Và bởi lẽ theo "Nghịch lý toàn cầu" của J. Naisbitt: "Người ta càng suy nghĩ về toàn cầu hóa, người ta càng hành động theo tính dân tộc hay tư duy mang tính địa phương, hành động mang tính toàn cầu", nên quá trình toàn cầu hóa đương thời có cả cơ hội và thách đố.

1. Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội to lớn cho sự phát triển

Ngày nay các nước đang phát triển đang đứng trước những cơ hội lớn lao và cố nhiên nó chỉ đúng với những quốc gia có năng lực cảm nhận và nắm bắt được cơ hội hay hành động phù hợp với xu thế chung đang diễn ra. Các nước đang phát triển sẽ có cơ hội tận dụng được nguồn vốn nước ngoài và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Như trên, đầu tư nước ngoài là một trong những lý do dẫn tới toàn cầu hóa. Đến lượt nó, toàn cầu hóa lại tạo ra cơ hội giúp các nước tận dụng được vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết tình trạng thiếu vốn từ nội bộ nền kinh tế, đồng thời đây còn là môi trường mở ra giúp cho các nước đang phát triển tìm và thực hiện được các dự án đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực thuộc lợi thế của họ. Trong báo cáo đầu tư thế giới năm 1997 của Hội đồng Mậu dịch và Phát triển của Liên Hợp Quốc thì các nước đang phát triển đã tiếp nhận khoảng 130 tỷ USD đầu tư trực tiếp của nước ngoài, nhưng đồng thời họ cũng xuất khẩu ra nước ngoài một lượng vốn chừng 50 tỷ USD. Đối chiếu với Việt Nam, 13 năm qua kể từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài đã có gần 3.000 dự án được đăng ký với dung lượng vốn ước chừng 40 tỷ USD và lượng vốn đã được giải ngân vào khoảng 20 tỷ USD tính đến thời điểm hiện nay, đồng thời với quá trình tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài và mặc dù còn ít về số lượng, nhỏ bé về qui mô nhưng chúng ta cũng đã có vài chục dự án và khoảng nửa tỷ USD được đầu tư ra nước ngoài. Điều này đã thúc đẩy quá trình hội nhập của chúng ta vào khu vực và toàn cầu.

Bên cạnh cơ hội tận dụng và nâng cao khả năng sử dụng vốn, các nước đang phát triển còn thụ hưởng được những thành quả của tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới. Ngày nay tốc độ phổ cập tri thức mới, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến diễn ra nhanh chóng, đa dạng thông qua nhiều hình thức và các kênh truyền thông khác nhau, mà chuyển giao công nghệ là một đặc trưng, một yêu cầu với bất kỳ loại hình quốc gia nào trong sự phát triển. Thông qua tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, các nước đang phát triển có thể nhanh chóng tiếp cận, bám đuổi và thu hẹp khoảng cách tụt hậu so với các nước đi trước, nhất là đối với các ngành công nghệ mới, công nghệ mũi nhọn hay các lĩnh vực thuộc lợi thế của mỗi quốc gia, nhờ đó nâng dần sức sản xuất và năng lực khoa học trong nước.

Ngày nay đa số các nước đang phát triển đều có cơ hội để du nhập và thụ hưởng những giá trị khoa học và công nghệ là sản phẩm của làn sóng công nghiệp thứ ba, tuy mức độ thụ hưởng có khác nhau. Nhiều năm liên tục vừa qua, Việt Nam chúng ta được xếp vào hàng các nước có tốc độ phát triển hạ tầng công nghệ thông tin nhanh nhất thế giới, là bằng chứng cho tốc độ và sự chủ động hội nhập của chúng ta.

Toàn cầu hóa làm cho cạnh tranh quốc tế thêm gay gắt, thị trường mở rộng không ngừng, do đó thúc đẩy chuyên môn hóa sản xuất, kích thích tăng năng suất lao động. Nhờ hợp lý hóa sản xuất và áp lực cạnh tranh, cũng do đó toàn cầu hóa

tạo sự tiết kiệm trong sản xuất, hạ giá thành để tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của các bên. Toàn cầu hóa kinh tế tất yếu dẫn đến là tự do hóa thương mại, cùng với quá trình này, xu thế phổ biến là sự giảm thấp dần về độ cao của hàng rào thuế quan cũng như rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế (TBT - Technical Barriers to Trade). Ở nước ta hiện nay chính phủ cũng như doanh nghiệp đang hết sức nỗ lực chuẩn bị cho sự gia nhập đầy đủ vào AFTA ở thời điểm 2006. Bên cạnh ISO 9000 - giấy thông hành để hàng hóa của ta thâm nhập vào thị trường quốc tế thì hạ giá thành sản phẩm là mệnh lệnh sống còn của các doanh nghiệp.

Toàn cầu hóa kinh tế còn tạo cơ hội việc làm và gia tăng thu nhập. Vấn đề việc làm không chỉ là áp lực với các nước phát triển mà đặc biệt gay gắt đối với các nước đang phát triển. Cùng với sự hội nhập kinh tế, sự chuyển dịch lao động cũng diễn ra theo nhiều phương diện, các nước đang phát triển có cơ hội xuất khẩu lao động sang các nước phát triển, do đó họ sẽ nhận được một lượng ngoại tệ từ bên ngoài. Theo Economic Aspects chỉ trong vòng 5 năm từ 1990 - 1995, tiền lương thu được từ xuất khẩu lao động ở các nước đang phát triển đạt trên 70 tỷ USD, theo chúng tôi vấn đề này hiện có vị trí đặc biệt quan trọng với VN hoặc cả các nước Pakistan, Philippines, Bangladesh...

Toàn cầu hóa cũng đồng thời tạo ra sự tập trung lao động có trình độ cao vào các ngành, lĩnh vực kinh tế mới, như các hoạt động dịch vụ, thương mại, công nghiệp chế biến... sự phát triển của các ngành này sẽ tạo ra nhiều việc làm mới, do đó tỷ lệ thất nghiệp sẽ giảm xuống và chất lượng nguồn nhân lực sẽ tăng dần thích ứng với quá trình xã hội hóa lao động. Trong khoảng thời gian 30 năm lại đây, thu nhập bình quân đầu người của nhiều nước tăng lên một cách kỳ diệu và đạt 5 lần ở Thái Lan, 10 lần ở Hàn Quốc, 4 lần ở Malaysia và đó cũng là kết quả tích cực của toàn cầu hóa kinh tế.

2. Những thách đố nghiệt ngã

Tụt hậu là nguyên nhân số một. Hiện nay nếu xét trên bình diện chung thì VN chậm hơn so với các nước NICs khoảng 30 năm, với Thái Lan chừng hai thập kỷ, với Trung Quốc khoảng 10 năm, và tất nhiên còn cách xa hơn nữa so với các nước phát triển. Mặc dù chúng ta đã có ý thức rõ rệt và đã có những hành động khá tích cực nhằm thu hẹp khoảng cách này, nhưng trên thực tế nguy cơ này không những chậm được cải thiện mà thậm chí diễn ra theo hướng tiêu cực. Nếu xem xét tình hình các nước đông và đông nam Á qua một số chỉ tiêu có thể nhận rõ điều này.

Mặc dù khủng hoảng tài chính nổ ra ở Thái Lan và hậu quả lan rộng rất nặng nề tới nhiều nước như Indonesia, Hàn Quốc, Công hòa liên bang Nga...nhưng sau khủng hoảng các nước đã phục hồi và có sự bứt phá rất ngoạn mục. Hàn Quốc đạt tốc độ tăng trưởng GDP trên 9%, hoặc trên 8% của Trung Quốc...trong khi VN mặc dù được đánh giá là đứng ngoài khủng hoảng nhưng tốc độ lại sụt giảm khá mạnh và sự phục hồi xem ra rất chậm với 5,8% năm 1998, 4,7% năm 1999 và 6,7% vào năm 2000 so với khoảng 9% của thời kỳ 1993 - 1997.

Dòng FDI vào VN giai đoạn 1988 - 1997 là khả quan, đã tiếp sức đáng kể cho sự tăng trưởng, nhưng sự kỳ vọng đó thật ngắn ngủi và hiện đang trong thời kỳ tụt dốc kéo dài, trong khi Trung Quốc lại đang có sức hấp dẫn lớn đối với đầu tư nước ngoài. Hiện nay các nước châu Á nói chung và khu vực nói riêng đang cạnh tranh gắt gao với nhau trong việc cải thiện môi trường để gia tăng các hoạt động thương mại, thu hút xuất khẩu thì ở VN cả mức độ cạnh tranh, dòng FDI và xuất khẩu lại có xu hướng giảm xuống, hoặc tốc độ cải thiện rất chậm chạp, mức độ cạnh tranh của VN hiện nay được xếp thứ 53/59 quốc gia, vì thế có thể nhận thấy khoảng cách giữa VN và các nước đang có nguy cơ dãn rộng thêm.

Theo trên, toàn cầu hóa kinh tế lấy tự do hóa kinh tế làm động lực, do đó khu vực kinh tế tư nhận ở đa số các nước tỏ ra rất năng động và là lực lượng chủ lực, đối với chúng ta thì khu vực tư nhân tuy đã có sự quan tâm khuyến khích, có sự tăng trưởng đáng kể liên tục trong vòng 10 năm qua, tuy nhiên khu vực này còn nhỏ bé, manh mún và thiếu vững chắc, khu vực này hiện chiếm chưa đầy đủ 23% GDP. Trong khi khu vực nhà nước là chủ đạo nhưng lại hoạt động kém hiệu quả và được sự bảo trợ quá lớn. Riêng ngành công nghiệp thì kinh tế nhà nước chiếm khoảng 60% giá trị. Mặc dù sở hữu tới 3/4 giá trị tài sản quốc gia nhưng chỉ góp phần tạo ra khoảng 42% GDP. Hơn nữa số doanh nghiệp bị thua lỗ lại có xu hướng tăng lên: 16% năm 1995, 25% vào năm 1997, 35% năm 2000, thậm chí theo ADB và WB con số đó có thể lên đến 50%. Do được bảo hộ lớn nên khả năng cạnh tranh rất yếu vì giá thành sản phẩm cùng loại cao nhiều so với các nước trong khu vực và thế giới, trong khi chất lượng hàng hóa lại thấp.

Khoảng cách giàu nghèo và mức sống đang dãn rộng. Kết quả của phương pháp thống kê cho thấy thu nhập và mức sống của các nước giàu nghèo ngày càng cách biệt thêm, GDP bình quân đầu người giữa Thụy Sĩ (nước giàu nhất) và Sudan (nước nghèo nhất) khoảng gần 500 lần, hoặc của VN so với người láng giềng Trung Quốc là 2,5 lần. Trên thế giới, số người nghèo có mức sống dưới 1 USD/ngày cách đây 1 thập kỷ là 1 tỷ 200 triệu người, thì hiện nay theo báo cáo mới nhất của Liên hiệp quốc con số ấy đã tăng thêm 300 triệu, tức 1 tỷ 500 triệu người. Chưa bao giờ lịch sử lại chứng kiến cảnh tượng phân hóa gay gắt đến thế (tài sản của chỉ 3 người giàu nhất thế giới lại vượt qua thu nhập của cả 48 quốc gia nghèo nhất cộng lại).

Trên thế giới, khoảng 20% dân số giàu ở các nước phát triển chiếm tới 86% GDP, trong khi 20% dân số nghèo nhất chỉ chiếm 1% GDP, tương tự ở VN là 44,5% và 8%, ở Trung Quốc là 46,5% và 5,9%. Riêng ở TP.HCM khoảng cách này là 7 lần, ở Tây Nguyên là 12 lần, trong khi thu nhập trung bình ở TP.HCM cao hơn ở Tây Nguyên là 10 lần, qua đó có thể thấy sự dãn rộng khoảng cách giàu nghèo đang là một xu thế chưa có dấu hiệu đổi chiều, điều này đặt ra "thách thức" đối với các nhà hoạch định và quản lý kinh tế - xã hội, nó đặt ra yêu cầu về một thiết chế công bằng mới và một chương trình thực hiện có hiệu quả.

Hậu quả về môi trường là điều khó tránh khỏi đối với các nước kém phát triển, vì toàn cầu hóa tất yếu là quá trình chuyển giao công nghệ, mà các nước phát triển thường không chuyển gia những công nghệ mới nhất, hơn nữa các nước nghèo thường thiếu khả năng tài chính nên khoảng cách công nghệ cũng ngày càng rộng thêm, do đó các nước nhập khẩu và sử dụng công nghệ cũ phải gánh chịu những hậu quả nặng nề về môi trường, đồng thời chịu sự kiểm soát của các nước phát triển. Tuy nhiên, toàn cầu hóa kinh tế cũng dễ tạo ra những "tổn thương" và tác động đến nhiều quốc gia liên quan ở những mức độ khác nhau. Hiện tượng phố Wall năm xưa, hay sự khủng bố ngày 11.9 vừa qua ở New York đã tức thì làm cho thị trường tài chính thế giới sụt giảm mạnh, do đó có thể dự báo tình hình tăng trưởng kinh tế của thế giới sẽ xấu đi.

Để hội nhập thành công, VN cần tiếp tục chính sách đối ngoại đa phương, giảm và tiến tới xóa bỏ hàng rào bảo hộ để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đồng thời cần đổi mới tư duy về công tác cán bộ, nhằm hình thành đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường và hội nhập ngày nay ■